

CÔNG TY KHO VẬN VÀ CẢNG CẨM PHẢ - VINACOMIN

PHÒNG ĐKSX

BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ

NGÀY 22 THÁNG 10 NĂM 2026

STT		Khách hàng	Ngày làm TB	Số TB	Ngày hết hạn TB	Tên phương tiện	Loại than	SL làm TB	SL thực rút	SL còn lại	Ngày xong	Mục đích sử dụng	
		TỔNG CỘNG						330 804	98 379	232 425			
I		CẢNG CHÍNH						94 592	36 701	57 891			
		<i>Tàu đã làm hàng (trong cầu)</i>						36 932	36 701	231			
1		ĐIỆN VĨNH TÂN I	19/10	668/10		VIỆT THUẬN 30-06	CÁM 6A.1	29 200	29 098	102	21/10	HỘ LỚN	TTCO: 29.098,25
2		ĐẠM HÀ BẮC	20/10	672/10	31/10	QN 4140	CÁM 4A.1	1 800	1 752	48	21/10	HỘ LỚN	
3		ĐẠM HÀ BẮC	21/10	673/10	31/10	TD 09-VT	CÁM 4B.1	2 352	2 299	53	21/10	HỘ LỚN	
4		TRƯỜNG ANH 888	13/10	2528/10	20/10	BN 2615	CỤC XÔ 1C	1 200	1 193	7	21/10	TD	GIA HẠN L1
5		CP THẮNG CUÔNG	20/10	2705/10	27/10	HN 2028	CỤC 4A.1	1 150	1 142	8	21/10	TD	
6		HELEN VIỆT ANH	20/10	2697/10	27/10	HN 2534	CỤC 4A.1	1 230	1 218	12	21/10	TD	
		<i>Tàu dự kiến rút trong ngày</i>						9 760		9 760			
1		ĐIỆN NGHI SƠN	21/10	677/10	31/10	VTT 89	CÁM 5A.10	3 260		3 260		HỘ LỚN	
2		CROMIT CĐ THANH HÓA	21/10	2717/10	31/10	NGUYỄN DUỖNG 668	CÁM 5A.1	4 400		4 400		PTCB	
3		KDT HÀ NỘI	21/10	2715/10	28/10	BN 1879	CÁM 4B.1	1 000		1 000		TD	
4		MẶT TRỜI VIỆT NINH BÌNH	21/10	2624/10	28/10	BN 0719	CỤC XÔ 1C	1 100		1 100		TD	GIA HẠN L1
		<i>Tàu đã làm lệnh (trong cầu)</i>						47 900		47 900			
1		ĐIỆN VĨNH TÂN I	21/10	675/10		HẢI NAM 39	CÁM 6A.1	28 650		28 650		HỘ LỚN	CẢNG CP + C.TAI
2		VT & KDT	14/10	2559/10	21/10	NB 8707	CỤC XÔ 1C	1 200		1 200		TD	GIA HẠN L1
3		ĐTTM & DỊCH VỤ	19/10	2600/10	26/10	BN 2616	CÁM 4B.1	1 700		1 700		TD	GIA HẠN L1
4		THAN SÔNG HỒNG	21/10	2621/10	28/10	BN 1348	CÁM 4B.1	993		993		TD	GIA HẠN L1
5		THAN SÔNG HỒNG	21/10	2630/10	28/10	BN 1746	CÁM 4B.1	1 000		1 000		TD	GIA HẠN L1
6		VẠN THỦY THỦY	16/10	2662/10	23/10	HP 5097	CỤC XÔ 1C	1 030		1 030		TD	
7		ĐTTM & DỊCH VỤ	17/10	2671/10	23/10	BN 3228	CÁM 4B.1	1 936		1 936		TD	Thay TBRT 2421/9
8		ĐTTM & DỊCH VỤ	17/10	2670/10	23/10	HD 1188	CÁM 4B.1	1 900		1 900		TD	Thay TBRT 2435/9
9		XNK ANH KHOA	18/10	2680/10	25/10	BN 2911	CÁM 4A.1	1 591		1 591		TD	
10		XNK ANH KHOA	18/10	2679/10	25/10	BN 0828	CÁM 4A.1	1 650		1 650		TD	
11		ĐTTM & DỊCH VỤ	18/10	2676/10	25/10	HP 6131	CÁM 4A.1	1 800		1 800		TD	
12		ĐTTM & DỊCH VỤ	18/10	2675/10	25/10	BN 1789	CÁM 4A.1	1 600		1 600		TD	
13		TRƯỜNG ANH 888	20/10	2703/10	27/10	BN 2706	CÁM 4B.1	1 650		1 650		TD	Thay TBRT 2184/8

CÔNG TY KHO VẬN VÀ CẢNG CẨM PHẢ - VINACOMIN

PHÒNG ĐKSX

BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ

NGÀY 22 THÁNG 10 NĂM 2026

STT		Khách hàng	Ngày làm TB	Số TB	Ngày hết hạn TB	Tên phương tiện	Loại than	SL làm TB	SL thực rút	SL còn lại	Ngày xong	Mục đích sử dụng	
14		XNK VTA	21/10	2707/10	28/10	BN 2025	CÁM 4B.1	1 200		1 200		TD	
		Tàu chuyển tải						109 840	26 310	83 530			
		<i>Tàu đã làm hàng</i>											
		<i>Tàu dự kiến rút trong ngày</i>						85 790	26 310	59 480			
1		ĐIỆN VŨNG ÁNG	15/10	659B/10		HẢI NAM 88	CÁM 5A.14	23 000	19 260	3 740	BỐC DỖ	HỘ LỚN	KDTCP: 5.000 CLM: 18.000
2		ĐIỆN VĨNH TÂN 1	19/10	667/10		QUANG VINH DIAMOND	CÁM 6A.1	23 000		23 000		HỘ LỚN	TTHG: 23.000
3		ĐIỆN VĨNH TÂN 2	19/10	670/10		PACIFIC 01	CÁM 6A.14	27 690		27 690		HỘ LỚN	KDTCP: 9.000 CLM: 9.000 KVCP: 9.690
4		XNK THAN	19/10	669/10		VIỆT THUẬN 12-06	CÁM 5B.1	6 000	2 050	3 950	BỐC DỖ	PTCB	TTHG: 6.000
							CÁM 6A.1	6 100	5 000	1 100	BỐC DỖ		KVCP: 6.100
		<i>Tàu đã làm lệnh (chuyển tải)</i>						24 050		24 050			
1		ĐIỆN VĨNH TÂN 1	21/10	674/10		HPS-01	CÁM 6A.1	24 050		24 050		HỘ LỚN	TTHG: 20.000 KVCP: 4.050
II		<u>KHO G9-HÓA CHẤT</u>						47 439	9 914	37 525			
		<i>Tàu đã làm hàng</i>						2 400	2 366	34			
1		VT & KDT	20/10	2505/9	27/10	NB 8530	CỤC XÔ 1B	1 200	1 177	23	21/10	TD	NGUỒN ĐN-C6
2		HÀNG HẢI VIỆT NAM	19/10	2693/10	26/10	BN 0757	CỤC ĐƠN 8C	1 200	1 188	12	21/10	TD	NGUỒN HL
		<i>Tàu dự kiến rút trong ngày</i>						15 196	7 549	7 647			
1		KDT HÀ BẮC	17/10	2668/10	27/10	BN 1313	CÁM 7B	1 845	1 172	673	RÓT DỖ	PTCB	NGUỒN CS
2		XNK THAN	21/10	2708/10	31/10	TĐ 056-03	CÁM 6B.1	5 400	5 346	54	RÓT DỖ	PTCB	NGUỒN HL
3		KDT HẢI PHÒNG	21/10	2709/10	31/10	HP 4846	CÁM 6B.1	1 032	478	554	RÓT DỖ	PTCB	
4		THÁI DƯƠNG STAR	19/10	2691/10	26/10	BN 0766	CỤC XÔ 1B	1 200	552	648	RÓT DỖ	TD	NGUỒN CS
5		ĐITM & DỊCH VỤ	20/10	2411/9	27/10	BN 2158	CỤC XÔ 1A	1 538		1 538		TD	NGUỒN ĐN-C6 GIA HẠN L2
6		HÀNG HẢI VIỆT NAM	21/10	2716/10	28/10	HD 9189	CÁM 8A	2 200		2 200		TD	NGUỒN CS
7		CROMIT CỔ ĐÌNH THANH HÓA	21/10	2718/10	28/10	HD 1818	CÁM 8A	1 981		1 981		TD	NGUỒN CS Thay TBRT 2666/10
		<i>Tàu đã làm lệnh</i>						29 843		29 843			
1		KDT HÀ BẮC	16/10	2660/10	26/10	HP 6863	CÁM 7B	2 310		2 310		PTCB	
2		XNK THAN	21/10	2708/10	31/10	VINACOMIN TĐ-03	CÁM 6B.1	5 400		5 400		PTCB	
3		TRƯỜNG ANH 888	20/10	2612/10	27/10	VTT89 (QN 8757)	CÁM 8A	3 260		3 260		TD	NGUỒN ĐN-C6

CÔNG TY KHO VẬN VÀ CẢNG CẨM PHẢ - VINACOMIN

PHÒNG ĐKSX

BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ

NGÀY 22 THÁNG 10 NĂM 2026

STT		Khách hàng	Ngày làm TB	Số TB	Ngày hết hạn TB	Tên phương tiện	Loại than	SL làm TB	SL thực rút	SL còn lại	Ngày xong	Mục đích sử dụng	
4		SX&TM THAN UÔNG BÍ	18/10	2677/10	25/10	QN 8547	CỤC XÔ 1B	996		996		TD	NGUỒN CS
5		XDCN MÔ ĐỒNG BẮC	19/10	2688/10	26/10	QN 7877	CÁM 8A	1 966		1 966		TD	NGUỒN CS
6		DVVTQN	19/10	2689/10	26/10	LAM HỒNG 99	CÁM 8A	2 150		2 150		TD	NGUỒN CS
7		KDT MIỀN BẮC	20/10	2699/10	27/10	QN 9362	CÁM 8A	1 000		1 000		TD	NGUỒN CS
8		THAN MIỀN TRUNG	20/10	2698/10	27/10	HẢI ÂU 199	CÁM 8A	1 200		1 200		TD	NGUỒN ĐN-C6
							CỤC XÔ 1B	1 150		1 150		TD	NGUỒN ĐN-C6
9		THÁI SƠN HP	20/10	2702/10	27/10	BN 1826	CỤC XÔ 1B	1 130		1 130		TD	NGUỒN ĐN-C6
10		MV METEOR	16/10	5 323		V-TRACO 29	TNK-Mozambique	3 900		3 900			
11		MV METEOR	19/10	5373		QNL-TĐ05	TNK-Mozambique	5 381		5 381			
III	<u>KHO BẢO NGUYỄN</u>							<u>11 188</u>	<u>3 493</u>	<u>7 695</u>			
	<i>Tàu đã làm hàng</i>							<i>3 500</i>	<i>3 493</i>	<i>7</i>			
1		ĐIỆN PHẢ LẠI	12/10	651/10	22/10	HN 1809	CÁM 5B.10	3 500	3 493	7	21/10	HỘ LỚN	
	<i>Tàu dự kiến rút trong ngày</i>												
	<i>Tàu đã làm lệnh</i>							<i>7 688</i>		<i>7 688</i>			
1		ĐIỆN PHẢ LẠI	17/10	665/10	27/10	TĐ 18-1	CÁM 5B.10	2 326		2 326		HỘ LỚN	
2		ĐIỆN PHẢ LẠI	17/10	664/10	27/10	TĐ 45-3	CÁM 5B.10	3 572		3 572		HỘ LỚN	
3		ĐIỆN PHẢ LẠI	17/10	663/10	27/10	QN 5634	CÁM 5B.10	1 790		1 790		HỘ LỚN	
IV	<u>KHO CẢNG KM6</u>							<u>19 745</u>	<u>13 160</u>	<u>6 585</u>			
	<i>Tàu đã làm hàng</i>							<i>8 885</i>	<i>8 816</i>	<i>69</i>			
1		KDT MIỀN BẮC	20/10	2704/10	30/10	SƠN HÀ 666	CÁM 6B.1	4 000	3 985	15	21/10	PTCB	
2		KDT MIỀN BẮC	19/10	2692/10	29/10	BN 2728	CÁM 6B.1	2 585	2 573	12	21/10	PTCB	
3		THÁI SƠN HP	13/10	2628/10	20/10	QN 8823	CỤC XÔ 1B	1 200	1 181	19	21/10	TD	NGUỒN QH Thay TBRT 2485/9
4		VT KDT VINACOMIN	16/10	2489/10	23/10	PT 2698	CỤC XÔ 1B	1 100	1 076	24	21/10	TD	NGUỒN QH
	<i>Tàu dự kiến rút trong ngày</i>							<i>10 860</i>	<i>4 344</i>	<i>6 516</i>			
1		NHÔM ĐẮK NÔNG	21/10	2710/10	31/10	HOÀNG ANH 45	CỤC 4A.2	1 450		1 450		HỘ LỚN	

BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ

NGÀY 22 THÁNG 10 NĂM 2026

[illegible]

